TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/DS-ST
Ngày 04 - 02 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ

Ông Trần Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 635/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Cẩm P, sinh năm 1969 (có mặt).

CCCD số: 096169010300.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

CCCD số: 096081007703.

2. Bà Phùng Thị L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

CCCD số: 096182013019.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Thành T, sinh năm 1965 (vắng mặt).

CCCD số: 096063013009.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà P trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với ông H, bà L nên ông H, bà L có vay của bà 276.000.000 đồng với mục đích làm ăn theo hợp đồng vay tiền ký ngày 07/11/2024, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 07/11/2024 đến ngày 07/11/2025, ông H, bà L phải hoàn trả tiền gốc và lãi cho bà, lãi suất tự thỏa thuận, tuy nhiên từ thời điểm vay đến nay bị đơn chỉ trả cho bà 7.000.000 đồng tiền lãi, ngoài ra không trả khoản tiền nào khác, bà đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bị đơn hứa hẹn không thanh toán.

Việc chậm trả nợ của bị đơn đã làm ảnh hưởng và gây khó khăn cho bà về nhiều mặt, bà đã thương lượng việc trả nợ nhưng bị đơn không có thiện chí trả nợ.

Nay bà yêu cầu bị đơn trả cho bà số tiền nợ gốc và lãi là 330.979.200 đồng, trong đó nợ gốc là 276.000.000 đồng, lãi tính đến thời điểm khởi kiện là 12 tháng số tiền là: 276.000.000 đồng x 1,66% x 12 tháng = 54.979.200 đồng và tiếp tục tính lãi chậm trả đến khi giải quyết xong vụ án.

Bà L trình bày:

Bà và ông H là vợ chồng hợp pháp, bà đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt, chồng bà do điều kiện đi đánh bắt xa bờ thường xuyên nên không có điều kiện đến Toà án để làm việc được. Vào khoảng năm 2022 vợ chồng bà cần tiền để đầu tư vào phương tiện (ghe đánh bắt thuỷ hải sản xa bờ) nên có vay của bà Ngô Cẩm P và ông Dương Thanh T1 02 lần tiền với số tiền gốc 150.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, việc vay tiền ban có làm giấy tay giao vợ chồng bà P và ông T1 giữ. Quá trình thực hiện hợp đồng vay thì vợ chồng bà không có trả được bất kỳ khoản tiền gốc nào nhưng có trả lãi không đầy đủ (gặp khó khăn về kinh tế, do việc đánh bắt không thuận lợi), việc trả lãi bằng tiền mặt, không có làm giấy tờ gì, tổng số tiền lãi đã đóng thì không thống kê được.

Đến ngày 07/11/2024 vợ chồng bà P và ông T1 cùng vợ chồng bà kết nợ lấy tổng lãi nhập với vốn và yêu cầu vợ chồng bà ký lại giấy nợ vay tại hợp đồng vay tiền ngày 07/11/2024, bà xác định số tiền 276.000.000 đồng theo hợp đồng vay thì (trong đó, nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 126.000.000 đồng). Sau khi ký lại giấy nợ thì vợ chồng bà có trả được cho vợ chồng bà P và ông T1 được 03 lần tiền tổng cộng 27.000.000 đồng (việc trả này cũng trả tiền mặt, không có lập giấy tờ gì). Gần đây cũng do điều kiện kinh tế khó khăn, nên có chậm trả nợ cho vợ chồng bà P và ông T1, nên phát sinh tranh chấp. Bà xác định vợ chồng bà đồng ý trả khoản nợ gốc và lãi 276.000.000 đồng nhưng xin ưu tiên trả nợ gốc 150.000.000 đồng trước cho đến khi dứt nợ gốc, rồi chuyển sang xem xét trả phần tiền lãi 126.000.000 đồng. Đối với tiền lãi từ khi ký kết lại hợp đồng ngày 07/11/2024 thì xin bớt toàn bộ (không đồng ý trả).

Ông T1 trình bày:

Ông là chồng bà Ngô Cẩm P, vợ chồng ông có cho ông Nguyễn Thái H, bà Phùng Thị L vay số tiền 276.000.000 đồng và có thỏa thuận lãi suất, ông có đứng tên trong hợp đồng vay tiền ngày 07/11/2024. Ông xác định tiền vay là tài sản chung của ông và bà P, nay bà P khởi kiện ông H, bà L ông thống nhất cho bà P đại diện khởi kiện, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì ông đồng ý tuyên trả số tiền này cho bà P, ông không có yêu cầu gì trong vụ án và sẽ tự thỏa thuận với bà P số tiền này.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông cho đến khi vụ án kết thúc.

Ông H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 276.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 07/11/2024 đến ngày 04/02/2026 là 13 tháng tương đương số tiền là 59.560.000 đồng, đối trừ với số tiền lãi đã đóng 7.000.000 đồng, còn lại 52.560.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, ông T1 yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 276.000.000 đồng.

Yêu cầu này là phù hợp với hợp đồng vay tiền ngày 07/11/2024 có chữ ký của bà Ngô Cẩm P, Nguyễn Thế H1, Phùng Thị L, nội dung thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 276.000.000 đồng, bà L thống nhất còn nợ số tiền nêu trên và đồng ý trả, tuy nhiên bà xác định trong 276.000.000 đồng có nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 126.000.000 đồng, bà xin trả trước nợ gốc, sau đó trả lãi, tuy nhiên bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong số nợ 276.000.000 đồng có 150.000.000 đồng là tiền gốc, còn lại là tiền lãi, quá trình giải quyết vụ án ông H1 không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó có cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 276.000.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên là có căn cứ.

Bà L yêu cầu được trả dần, nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán:

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là đúng quy định. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ 07/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/02/2026 là: 276.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 13 tháng = 59.560.000 đồng. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu không vượt quá quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Bà L cho rằng đã đóng lãi được 27.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên cần chấp nhận lời thừa nhận của nguyên đơn là bị đơn đã đóng lãi 7.000.000 đồng và đồng ý đối trừ, do đó số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 52.560.000 đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 328.560.000 đồng, trong đó tiền gốc là 276.000.000 đồng, tiền lãi là 52.560.000 đồng.

[6] Đối với ông T1 không có yêu cầu gì trong vụ án nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu, được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp; bị đơn phải chịu 16.428.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Cẩm P.

Buộc ông Nguyễn Thái H và bà Phùng Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Cẩm P số tiền 328.560.000 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà P không phải chịu, hoàn trả lại cho bà P 8.275.000 đồng (Tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006007 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

- Ông H, bà L phải chịu 16.428.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Huệ **Trần Hoàng Giang** **Hồ Dũng Liêm**